

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 về hướng dẫn Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung; số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; số 332/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân; số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của

Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026; số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31/7/2018 quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ: Số 08/2025/TT-BKHCN ngày 21/6/2025 quy định về việc phân cấp trong thực hiện thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2576/TTr-SKHHCN ngày 15/6/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân, cụ thể như sau:

1. Giải quyết thủ tục khai báo quy định tại khoản 1 Điều 49 và Điều 58 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 của Chính phủ.

2. Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ và Chứng chỉ nhân viên bức xạ quy định tại Điều 49 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 của Chính phủ.

Điều 2. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, cụ thể như sau:

1. Cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ, phó bản văn bằng bảo hộ quy định tại Điều 19 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2. Xử lý hồ sơ yêu cầu ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế quy định tại Điều 25 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3. Yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc quy định tại Điều 26 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

4. Thủ tục xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 28 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

5. Cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 29, Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

6. Ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 30 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

7. Tổ chức kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 32 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

8. Cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 33 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

9. Ghi nhận và xóa tên đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 34 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

10. Cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 40 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

11. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 41 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

Điều 3. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ, cụ thể như sau:

1. Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ quy định tại Điều 29 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 và khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

2. Thủ tục Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ quy định tại Điều 30 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 và khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

3. Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ quy định tại Điều 62 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

4. Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển quy định tại Điều 3 Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN ngày 21/6/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN ngày 21/6/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại Điều 3 Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31/7/2018 và khoản 3 Điều 1 Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Thủ tục thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài quy định tại Điều 13 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.

8. Công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Điều 40 và Điều 43 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.

9. Cấp lại Giấy công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Điều 40 và Điều 44 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.

10. Chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Điều 40 và Điều 45 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.

11. Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cấp thay đổi nội dung, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại Điều 48 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.

12. Xét duyệt, thẩm định, phê duyệt, ký kết hợp đồng tài trợ, hỗ trợ và cấp kinh phí thực hiện, kiểm tra, đánh giá, sửa đổi, chấm dứt Hợp đồng tài trợ, quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng tài trợ, xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 9 Điều 3, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.

13. Xét tài trợ, ký hợp đồng hỗ trợ phát triển tạp chí khoa học quy định tại Điều 8 và Điều 19 Thông tư số 43/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

14. Xét tài trợ, ký hợp đồng hỗ trợ hoạt động sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật hoặc hợp lý hóa sản xuất quy định tại khoản 1 Điều 3, Điều 9, điểm b khoản 2 Điều 19 và khoản 2 Điều 20 Thông tư số 43/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

15. Xét tài trợ, ký hợp đồng hỗ trợ hoạt động truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phổ biến tri thức quy định tại khoản 1 Điều 3, Điều 10, điểm b khoản 2 Điều 19 và khoản 2 Điều 20 Thông tư số 43/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân cấp tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện nội dung được phân cấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có thay đổi liên quan đến quy định của pháp luật, Sở Khoa học và Công nghệ kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để được xem xét, điều chỉnh phù hợp.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ, công việc thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Quyết định này đã được tiếp nhận trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp, ủy quyền có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các quy định dưới đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và khoản 18 Điều 1 tại Quyết định số 145/2025/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Quyết định số 159/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

c) Quyết định số 05/2026/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh.

d) Điều 4, Điều 5, Điều 6; các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 10, 11 Điều 7 tại Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong các lĩnh vực tần số vô tuyến điện, viễn thông và internet, khoa học và công nghệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6 Quyết định;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh